



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sơn Á Đông

Ngày 30/09/2025	26,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.8%	-7.7%	-8.7%

DT thuần Q3/25
140
tỷ VNĐ
QoQ: ▼36.0 -20.4%
YoY: ▼75.0 -34.8%

LN thuần Q3/25
16.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.9 -42.1%
YoY: ▼6.70 -29.0%

LN sau thuế Q3/25
12.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.80 -43.5%
YoY: ▼5.60 -30.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
11.5%
YoY: +/-▼ 4.7%

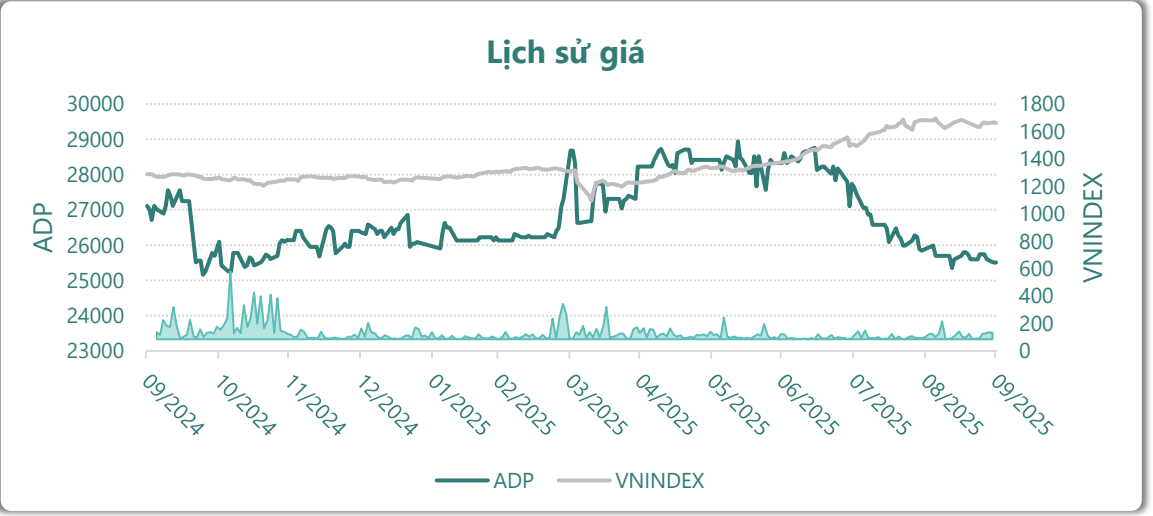
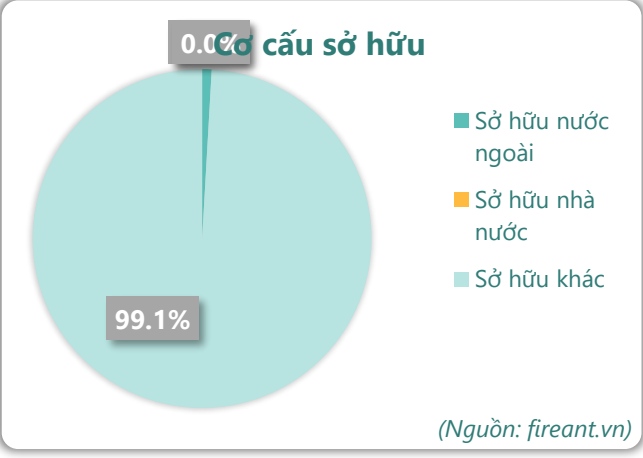
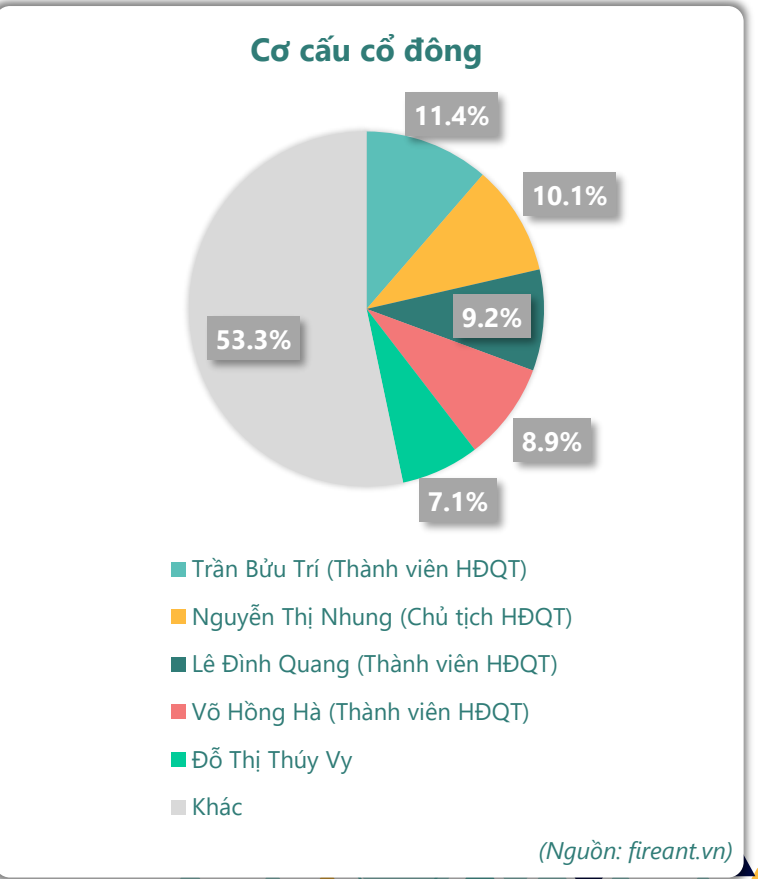
ROE (TTM) Q3/25
26.7%
YoY: +/-▼ 2.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	25,160 - 28,947
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	604
Số lượng CPLH (CP)	23,039,850
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,800
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.24
EPS	3,198
P/E	8.2

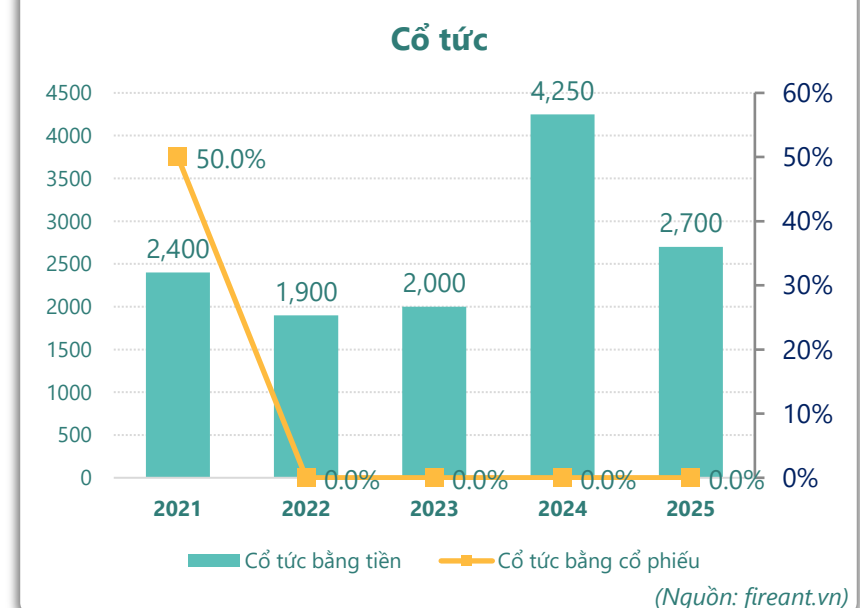
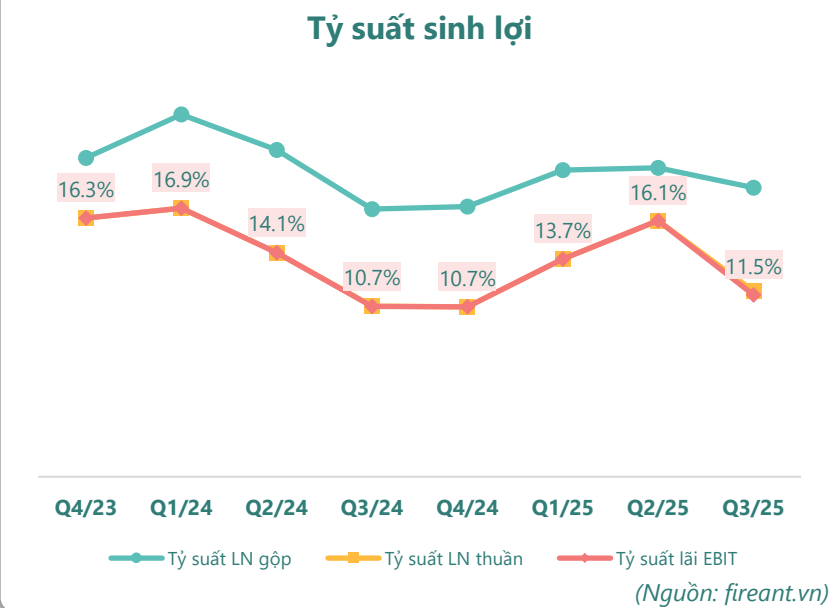
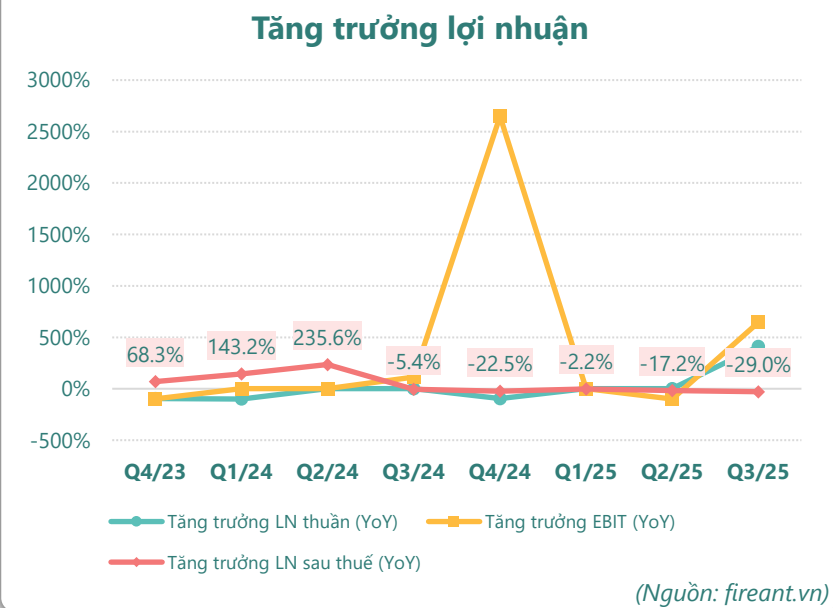
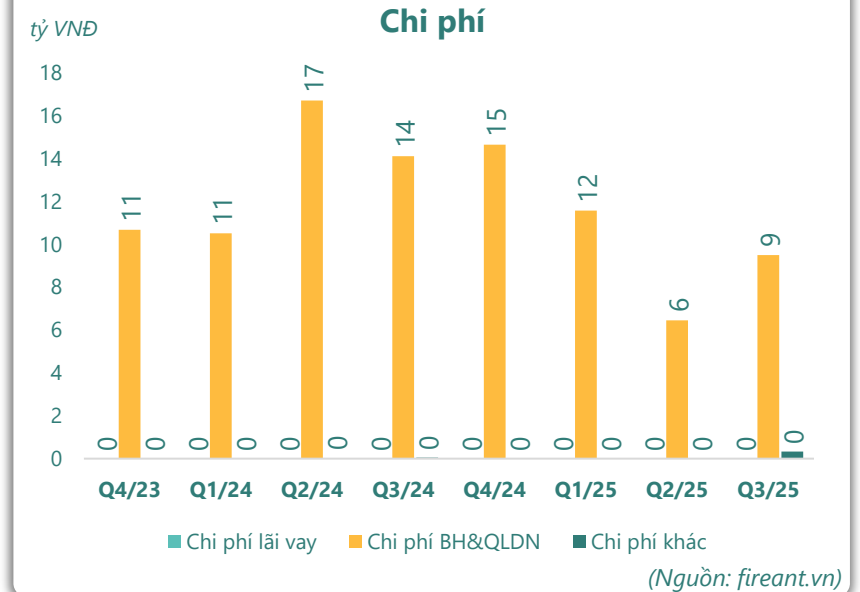
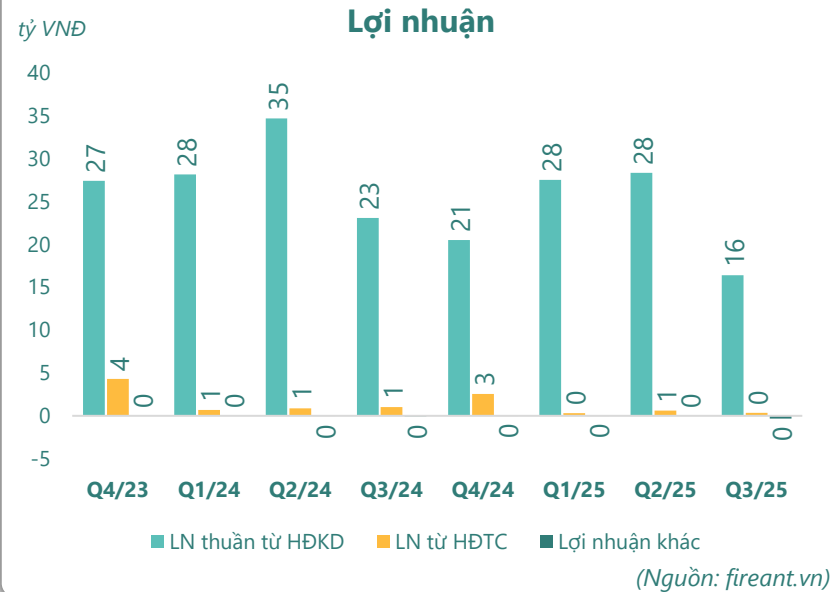
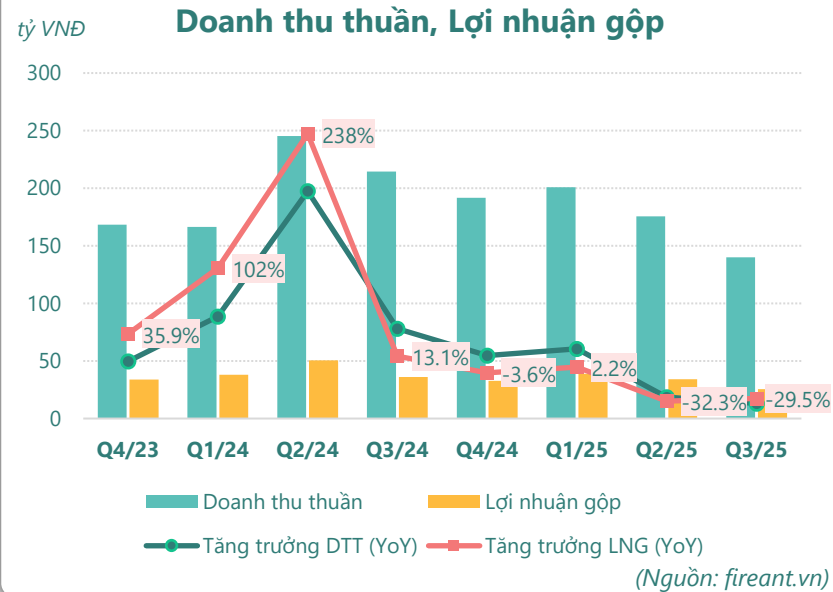
DT thuần 9T 2025
517
tỷ VNĐ
YoY: ▼109 -17.5%

LN thuần 9T 2025
72.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.6 -15.9%

LN sau thuế 9T 2025
57.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.3 -16.4%



KẾT QUẢ KINH DOANH

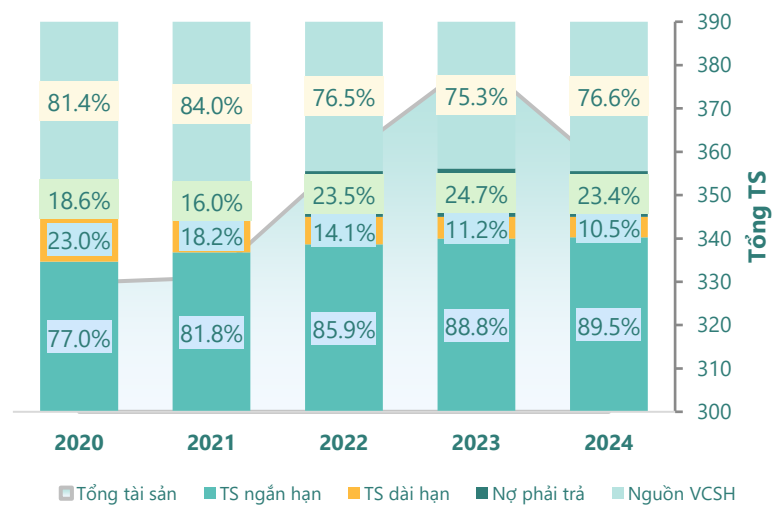




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

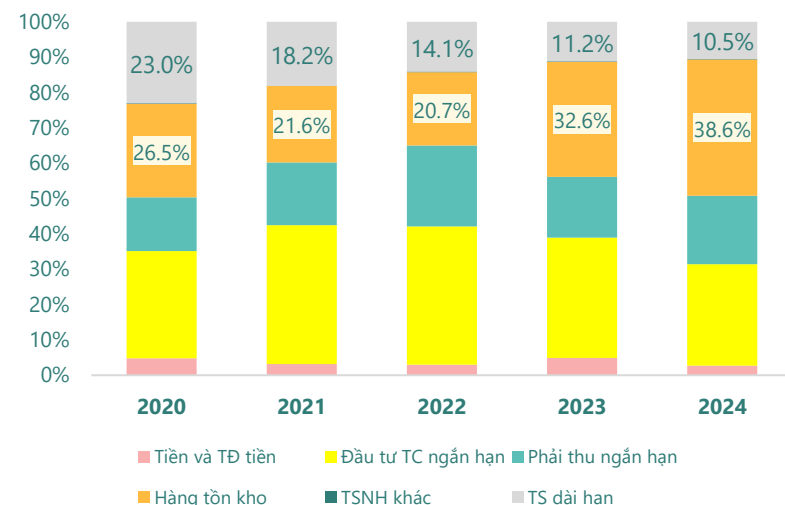
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

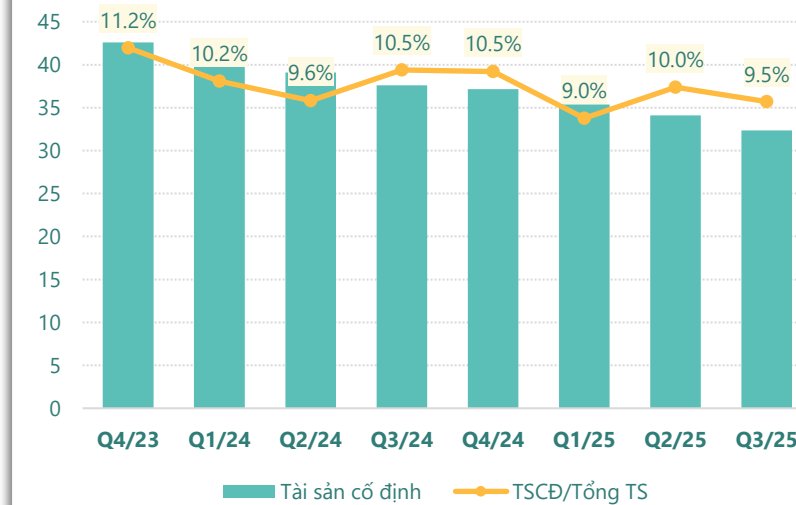
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

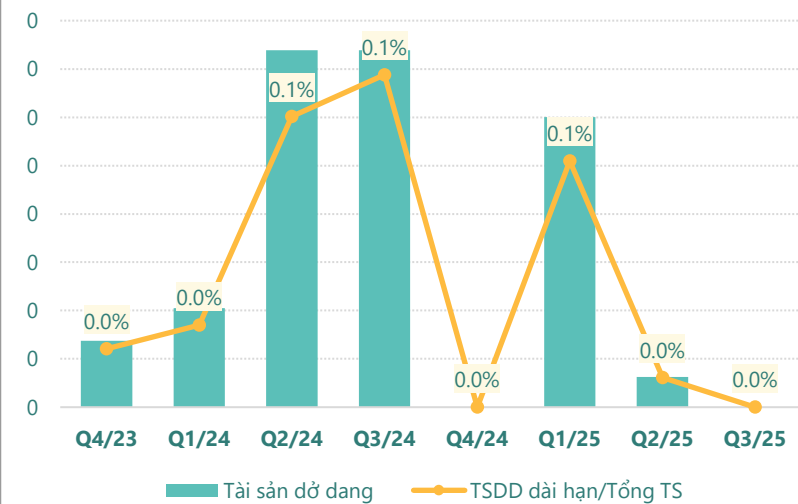
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

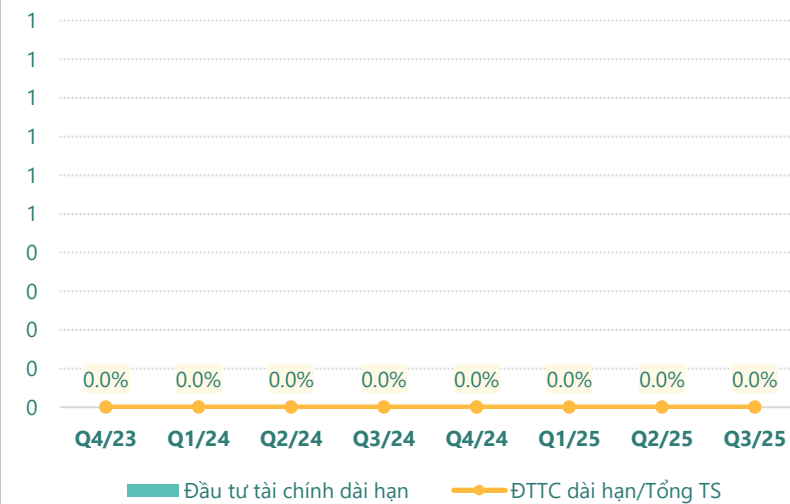
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

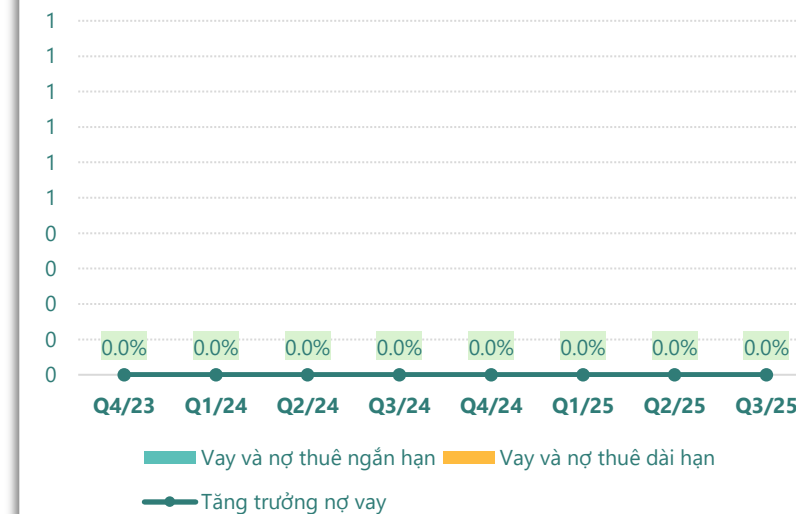
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



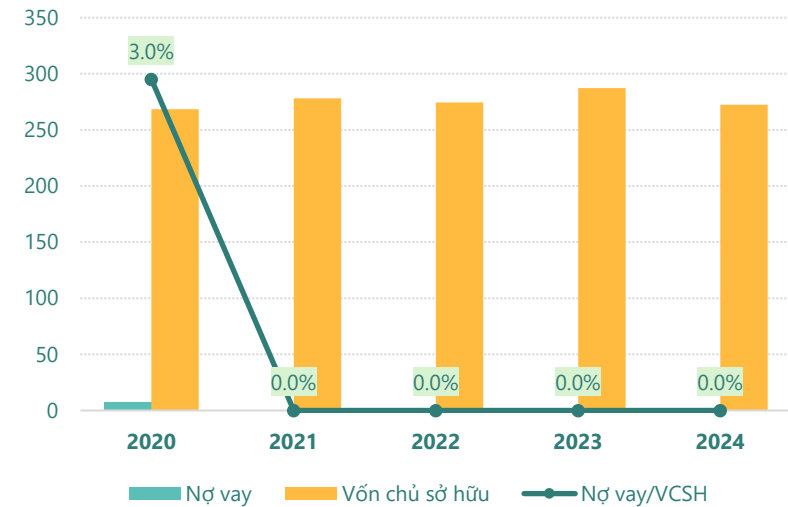
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

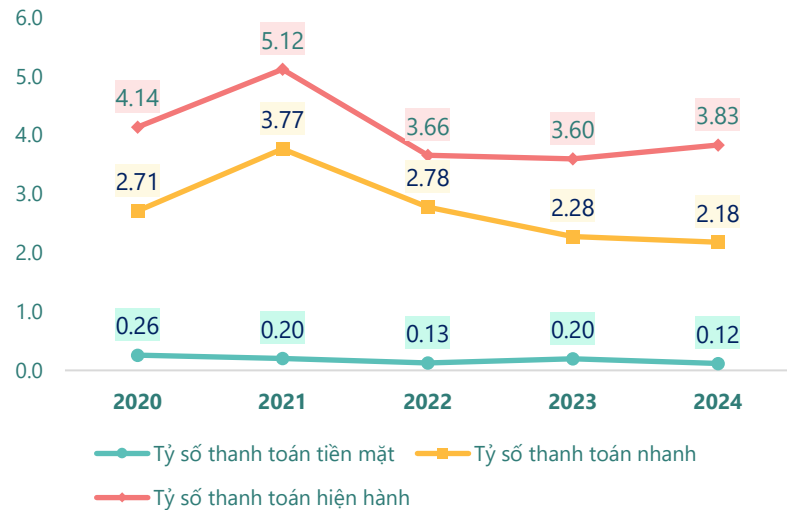
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



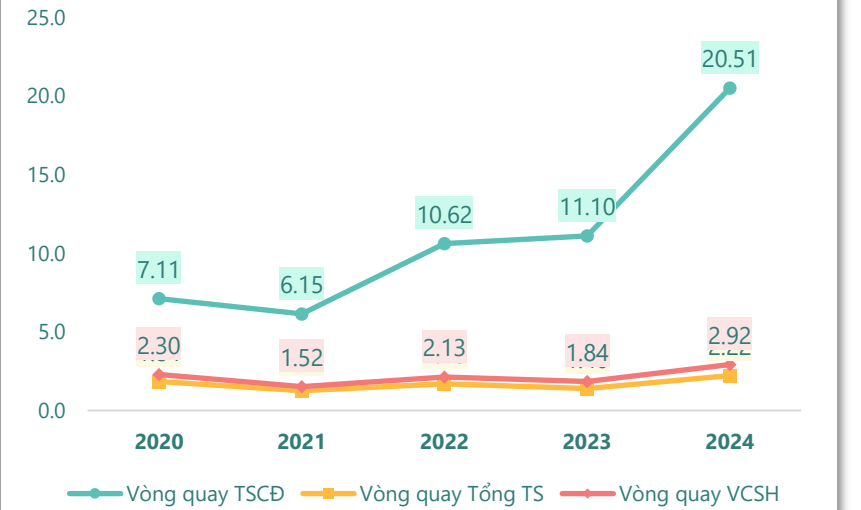
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



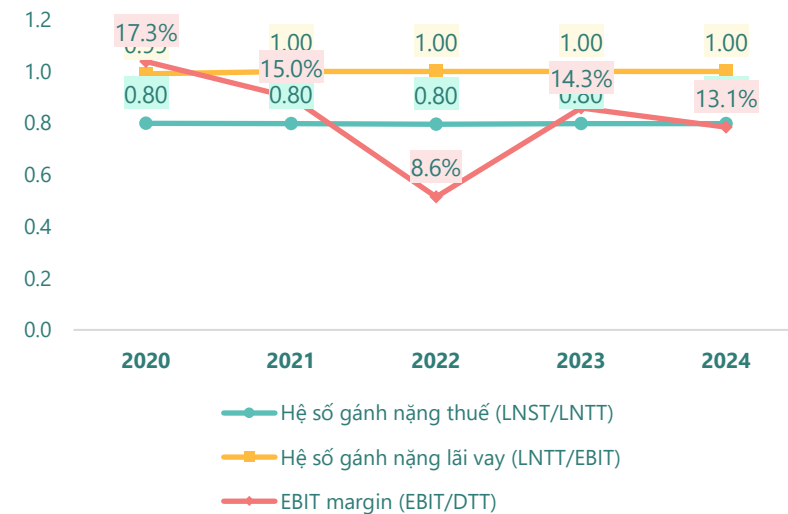
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



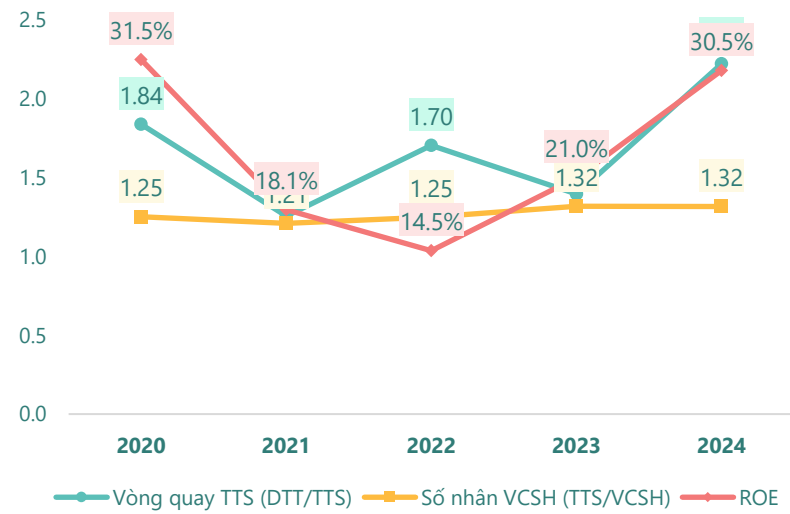
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



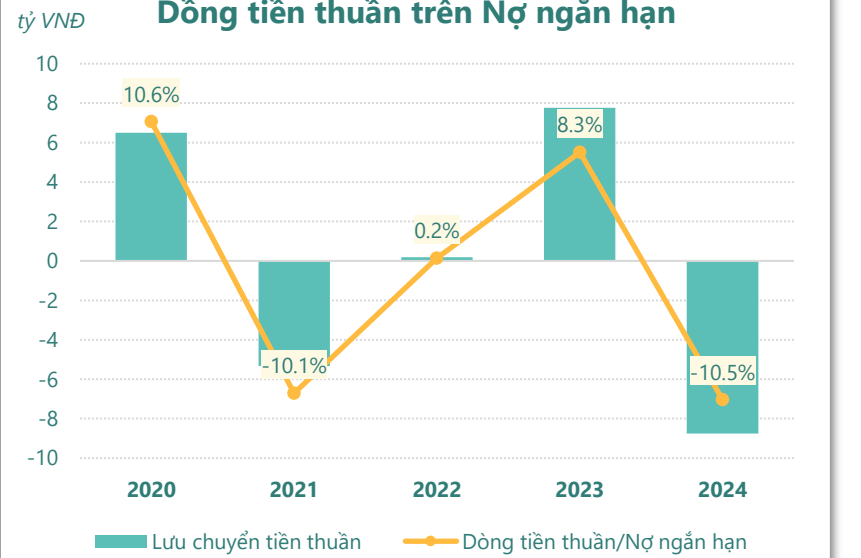
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	140	215	-34.8%	517	626	-17.5%
Giá vốn hàng bán	115	178	-35.6%	418	502	-16.7%
Lợi nhuận gộp	25.5	36.2	-29.5%	98.5	125	-21.0%
Doanh thu HĐTC	0.39	1.21	-68.1%	3.42	3.47	-1.5%
Chi phí TC	0.02	0.20	-90.0%	2.13	0.89	140%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.51	4.44	-20.9%	11.3	12.7	-11.1%
Chi phí QLDN	5.99	9.68	-38.2%	16.3	28.7	-43.3%
LN thuần từ HĐKD	16.4	23.1	-29.0%	72.3	85.9	-15.9%
Lợi nhuận khác	-0.33	-0.04	-736%	-0.33	-0.06	-425%
LN trước thuế	16.1	23.0	-30.2%	71.9	85.9	-16.2%
Lợi nhuận sau thuế	12.8	18.4	-30.5%	57.4	68.7	-16.4%
LNST của CĐ cty mẹ	12.8	18.4	-30.5%	57.4	68.7	-16.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.4	-80.1	14.3	18.0	30.1	37.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.14	0.94	1.33	-3.68	-14.3	-11.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.9	-31.9	-16.2	0	-28.5	-15.3
Tiền đầu kỳ	27.9	122	10.4	9.76	24.1	11.4
Lưu chuyển tiền thuần	-3.36	-111	-0.65	14.3	-12.7	10.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.5	10.4	9.76	24.1	11.4	21.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	340	355	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	307	318	-3.4%
Tiền và tương đương tiền	21.9	9.76	124%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	135	102	32.4%
Phải thu ngắn hạn	50.8	68.6	-26.0%
Hàng tồn kho	98.6	137	-28.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.20	0.64	87.8%
Tài sản dài hạn	32.3	37.2	-13.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	32.3	37.2	-13.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	59.4	83.0	-28.5%
Nợ ngắn hạn	59.4	83.0	-28.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	33.5	55.8	-39.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	280	272	3.0%
Vốn chủ sở hữu	280	272	3.0%
Vốn điều lệ	230	230	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

